

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VỊ THỦY
TỈNH HẬU GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 13 - 03 - 2022

V/v: Tranh chấp về ly hôn,
tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VỊ THỦY, TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Hùng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Bé Ngọc - Nguyên Giám đốc Trung tâm DS&TE huyện.

2. Ông Nguyễn Đông Hà.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Trung Toàn - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Mỹ Phương - Kiểm sát viên.

Trong ngày 13 tháng 03 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 197/2022/TLST-HNGĐ, ngày 06 tháng 10 năm 2022 về việc “*Tranh chấp về ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 103/2022/QĐXXST-HNGĐ, ngày 21/12/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2023/QĐST-DS ngày 19/01/2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lê Thị Cẩm H, sinh năm 1990; nơi cư trú: Ấp V, xã L, huyện H, tỉnh B (Vắng mặt).

- Bị đơn: Anh Phạm Văn L, sinh năm 1987; nơi cư trú: Ấp A, xã V, huyện T, tỉnh H (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 03/10/2022, quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Lê Thị Cẩm H trình bày: Vào năm 2009, giữa nguyên đơn với bị đơn anh Phạm Văn L được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới, đến năm 2012 mới

đăng ký kết hôn. Anh chị sống hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn và ly thân cho đến nay, nguyên nhân do bất đồng quan điểm. Do đó, chị H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với bị đơn. Về con chung, chị H với anh L có 01 con chung: cháu Phạm Thị Cẩm L sinh ngày 18/8/2009, hiện nay do chị H đang nuôi dưỡng, khi ly hôn chị H yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng và không yêu cầu anh L cấp dưỡng; về tài sản chung, nợ chung: không có, nên không yêu cầu giải quyết.

Quá trình thu thập chứng cứ, bị đơn anh Phạm Văn L mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt, không lý do, cũng không có ý kiến gì về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại văn bản ngày 02/12/2022, cháu Phạm Thị Cẩm L có nguyện vọng được sống với mẹ (chị Lê Thị Cẩm H).

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc thụ lý, giải quyết vụ án của Thẩm phán, của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, cũng như ý thức chấp hành pháp luật của nguyên đơn là đúng pháp luật, bị đơn chấp hành không đúng pháp luật. Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho chị Lê Thị Cẩm H với anh Phạm Văn L được ly hôn; về con chung, tiếp tục giao cháu Phạm Thị Cẩm L cho chị H nuôi dưỡng, anh L chưa phải cấp dưỡng; về nợ chung không có, tài sản chung không có nên không xem xét. Án phí chị H phải nộp theo quy định; kiến nghị khắc phục vi phạm: không có.

Các tình tiết, sự kiện các bên đã thống nhất: Không có.

Tình tiết, sự kiện các bên không thống nhất: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Áp dụng pháp luật về tố tụng: Chị Lê Thị Cẩm H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với bị đơn anh Phạm Văn L; về con chung chị H yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng, không yêu cầu anh L cấp dưỡng; tài sản chung và nợ chung: không có. Do bị đơn cư trú tại huyện Vị Thủy. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, để xác định quan hệ tranh chấp thuộc trường hợp: “*Tranh chấp về ly hôn, tranh chấp về nuôi con*”, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang.

[2] Về xét xử vắng mặt đương sự: Đối với bị đơn anh Phạm Văn L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt, không lý do, cũng

không vì sự kiện bất khả kháng hay trở ngại khách quan; tại văn bản ngày 02/12/2022 chị Lê Thị Cẩm H đề nghị Toà án giải quyết vắng mặt trong suốt quá trình xét xử vụ án. Căn cứ khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, đề xét xử vắng mặt.

[3] Áp dụng pháp luật về nội dung: Vào năm 2012, giữa chị Lê Thị Cẩm H với anh Phạm Văn L xác lập quan hệ hôn nhân và có đăng ký kết hôn, nên áp dụng Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 và 2014, để giải quyết.

[4] Về hôn nhân: Thời điểm chị H với anh L đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang, thì anh chị đã đủ điều kiện về đăng ký kết hôn, theo quy định tại khoản 1 Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000, nên hôn nhân giữa anh chị được pháp luật bảo vệ. Anh chị sống hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn và ly thân cho đến nay, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm; theo biên bản xác minh ngày 24/10/2022, được chính quyền địa phương cung cấp: nguyên nhân mâu thuẫn ly hôn địa phương không rõ. Từ khi anh chị ly thân cho đến nay là một thời gian dài, các bên không có thiện chí khắc phục mâu thuẫn để xây dựng hạnh phúc gia đình và chăm sóc, nuôi dưỡng con chung; coi như vợ chồng không còn quan tâm, chăm sóc cho nhau nữa. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng đã thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên yêu cầu ly hôn của chị H là có căn cứ.

[5] Về con chung: Giữa chị H với anh L có 01 con chung; về phía bị đơn anh Phạm Văn L mặc dù đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt, cũng không có ý kiến gì về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, coi như anh L không chứng minh, Toà án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ để giải quyết vụ án. Cháu Phạm Thị Cẩm L (là nữ, trên 07 tuổi), do chị H nuôi dưỡng từ khi anh chị ly thân cho đến nay; tại văn bản ngày 02/12/2022, cháu Cẩm L có nguyện vọng được sống với chị H với lý do mẹ (chị H) chăm sóc tốt; cháu Cẩm L đã sống với chị H một thời gian dài, ổn định về tâm lý. Do đó, để tạo điều kiện tốt nhất cho cháu Cẩm L, Toà án căn cứ khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, để tiếp tục giao cháu Cẩm L cho chị H nuôi dưỡng là có căn cứ.

[6] Về cấp dưỡng: Trong đơn khởi kiện, chị H chưa yêu cầu, nên không đề cập đến. Sau khi ly hôn, nếu việc nuôi dưỡng con chung gặp khó khăn, thì chị H có quyền yêu cầu Toà án có thẩm quyền giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con bằng một vụ án khác.

[7] Về tài sản chung và nợ chung: Theo đơn khởi kiện, quá trình thu thập chứng cứ, chị H khẳng định giữa chị H với anh L không có tài sản chung, cũng không có nợ chung, nên không đề cập đến.

[8] Về án phí: Do chị H là nguyên đơn trong vụ án. Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì chị H phải chịu án phí.

[9] Quyền kháng cáo: Đương sự được quyền kháng cáo theo quy định. Do đó, ý kiến của Kiểm sát viên đề xuất hướng giải quyết vụ án là có căn cứ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: các Điều 5, 6, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 91, 92, 93, 94, 95, 96, 97, khoản 4 Điều 147, các Điều 271, 272 và 273; khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14: Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Áp dụng: các Điều 9, 11, 89, 91 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; các Điều 56, 57, 81, 82, 83 và 131 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Cẩm H.

1. *Về hôn nhân:* Cho chị Lê Thị Cẩm H với anh Phạm Văn L được ly hôn.

2. *Về con chung:* Giao cháu Phạm Thị Cẩm L, sinh ngày 18/8/2009 cho chị Lê Thị Cẩm H được tiếp tục nuôi dưỡng.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. *Về cấp dưỡng:* Chị H chưa yêu cầu, nên chưa xem xét.

4. *Về tài sản chung và nợ chung:* Không có, nên không đề cập đến.

5. *Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm:* Chị Lê Thị Cẩm H phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), được trừ vào 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0002962, ngày 06 tháng 10 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang thành án phí.

6. *Quyền kháng cáo:* Đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo được

tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại Trụ sở ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
 - TAND tỉnh Hậu Giang;
 - VKSND huyện Vị Thủy;
 - Chi cục THADS huyện Vị Thủy;
 - UBND xã
- (nơi Đăng ký kết hôn);
- Lưu hồ sơ vụ án, VP;
 - Công TTĐT (để công bố);

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Văn Hùng